

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 755 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố TTHC chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Quyết định số 261/QĐ-BVHTTDL ngày 15/02/2023 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch về việc công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Điện ảnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 79/TTr-SVHTTDL ngày 04/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục TTHC (152 thủ tục) chuẩn hóa lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, chi tiết tại Phụ lục I, II, III kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các TTHC hoặc các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực từ ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành.

Các Quyết định số: 735/QĐ-UBND ngày 25/3/2022; 1959/QĐ-UBND ngày 31/8/2022; 2489/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh (Đ/c Hà);
- PCVP UBND tỉnh (Đ/c Thượng);
- VNPT Đắk Lắk;
- UBND các xã, phường, thị trấn,
(do UBND cấp huyện sao gửi);
- Các Phòng, TT: TH, KGVX,
PVHCC, CN&CTTĐT;
- Lưu: VT, KSTTHC (Tg_5).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature in blue ink]

Nguyễn Tuấn Hà

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ: VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH; GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH ĐẮK LẮK**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI STT	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
A	Lĩnh vực Văn hóa							
I	Di sản văn hóa							
1	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/ NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/02/2004 của Bộ Văn hóa-Thông tin; - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x

2	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/ NĐ-CP ngày 21/9/2010 và Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 /01/ 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27/02/2012.	Toàn trình	x	x
3	Xác nhận đủ điều kiện được cấp Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/ NĐ-CP ngày 21/9/2010 và Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 /01/ 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27/02/2012.	Toàn trình	x	x

4	Cấp Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/ NĐ-CP ngày 21/9/2010 và Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 /01/ 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27/02/2012.	Toàn trình	x	x
5	Cấp Giấy phép khai quật khảo cổ	03 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Các Nghị định của Chính phủ số: 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010; 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012. - Quyết định số 86/2008/ QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x
6	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Các Nghị định của Chính phủ số: 98/2010/NĐ-CP ngày	Toàn trình	x	x

					21/9/2010; 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012; 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018.			
7	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	100 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Một phần	x	x
8	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	100 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Một phần	x	x
9	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Các Nghị định của Chính phủ số: 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018;	Toàn trình	x	x

10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	Toàn trình	x	x
11	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	Toàn trình	x	x
12	Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	Toàn trình	x	x
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Các Nghị định của Chính phủ số: 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018.	Toàn trình	x	x

14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Các Nghị định của Chính phủ số: 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018.	Toàn trình	x	x
II Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm								
15	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 113/2013/ NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x
16	Cấp Giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ.	Toàn trình	x	x
17	Cấp Giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Các Nghị định của Chính phủ số: 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013; 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019.	Toàn trình	x	x
18	Cấp Giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	- Trường hợp không phải xin ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch : Trong thời hạn 07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Một phần	x	

		ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp phải xin ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch : Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.						x
19	Cấp Giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ.	Một phần	x	x
20	Cấp Giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	Một phần	x	x
21	Cấp Giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	Một phần	x	x

22	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	- Trường hợp không phải thành lập Hội đồng thẩm định: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.	Một phần	x	x
----	---	--	--	-------	---	----------	---	---

23	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- Trường hợp không phải thành lập Hội đồng thẩm định: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.	Một phần	x	x
----	---	--	--	-------	---	----------	---	---

24	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	- Trường hợp không phải thành lập Hội đồng thẩm định: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp:	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.	Một phần	x	x
----	---	---	--	-------	---	----------	---	---

		Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.						
25	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- Trường hợp không phải thành lập Hội đồng thẩm định: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.	Một phần	x	x

		lâm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ						
26	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- Trường hợp không phải thành lập Hội đồng thẩm định: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.	Toàn trình	x	x

		môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo						
III	Nghệ thuật biểu diễn							
27	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật có độ dài dưới 50 phút): Mức thu phí là 1.500.000 đồng/chương trình; có độ dài từ 51-100 phút: Mức thu phí là 2.000.000 đồng/chương trình; có độ dài từ 101-	- Nghị định số 144/2020/ NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 288/2016/ TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x

				150 phút: Mức thu phí là 3.000.000 đồng/chương trình; có độ dài từ 151- 200 phút: Mức thu phí là 3.500.000 đồng/chương trình; có độ dài từ 201 phút trở lên: Mức thu phí là 5.000.000 đồng/chương trình.				
28	Tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 144/2020/ NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.	Một phần	x	x
29	Tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 144/2020/ NĐ- CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.	Một phần	x	x

30	Ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 144/2020/ NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.	Một phần	x	x
IV	Văn hóa cơ sở							
31	Đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2019 của Chính phủ.	Một phần	x	x
32	Thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2019 của Chính phủ.	Một phần	x	x
33	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Tại thành phố và thị xã trực thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 03 phòng, mức thu phí là 4.000.000 đồng/Giấy; + Từ 04 đến 05 phòng, mức thu phí là 6.000.000 đồng/Giấy; + Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 12.000.000 đồng/Giấy. - Tại khu vực khác: + Từ 01 đến	- Nghị định số 54/2019/ NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x

				03 phòng, mức thu phí là 2.000.000 đồng/Giấy; + Từ 04 đến 05 phòng, mức thu phí là 3.000.000 đồng/Giấy; + Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 6.000.000 đồng/Giấy.				
34	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Tại thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 15.000.000 đồng/Giấy; - Tại khu vực khác: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 10.000.000 đồng/Giấy.	- Nghị định số 54/2019/ NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính.	Toàn trình	x	x
35	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	04 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Tại thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu là 2.000.000 đồng/phòng;	- Nghị định số 54/2019/ NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x

				nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/Giấy phép/lần thẩm định - Tại khu vực khác: Mức thu là 1.000.000 đồng/phòng; nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/Giấy phép/lần thẩm định. - Mức thu phí thẩm định điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh Karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/Giấy.				
36	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	04 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Mức thu phí thẩm định điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh vũ trường đối	- Nghị định số 54/2019/ ND-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính.	Toàn trình	x	x

				với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/Giấy.				
37	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Điều 29, Điều 30 của Luật quảng cáo ngày 21/6/2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; khoản 2 Điều 9 Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x
38	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012.	Toàn trình	x	x
39	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính.	Toàn trình	x	x
40	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013; số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/11/2018;	Toàn trình	x	x

					- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính.			
41	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012; - Nghị định số 181/2013/ NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính.	Toàn trình	x	x
V	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa							
42	Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	02 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 /7/2012; số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018; - Nghị định số 131/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2023.	Một phần	x	x

43	Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	- 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 /7/2012; số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2016; số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018.	Một phần	x	x
44	Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh: Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định; từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định; từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/ lần	- Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014; số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018; - Thông tư số 260/2016/ TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x

				thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng. 2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh: Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định; từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định; từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.				
45	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1. Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa: - Đối với bản ghi âm: - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014; số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018; - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ	Một phần	x	x	

				200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút); - Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút). 2. Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các	Tài chính.			
--	--	--	--	--	------------	--	--	--

				vật liệu khác: - Đối với bản ghi âm: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình. - Đối với bản ghi hình: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc:				
--	--	--	--	---	--	--	--	--

				2.500.000 đồng/chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/ chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/chương trình.				
VI	<i>Thi đua, Khen thưởng</i>							
46	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”	Theo thời gian quy định trong Kế hoạch được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 89/2014/NĐ- CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2014. - Nghị định số 11/2019/NĐ- CP ngày 30/01/2019 của	Một phần	x	x

		hành trước mỗi đợt xét tặng. - Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng và công bố 03 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.			Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019. - Nghị định 40/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15/5/2021.			
47	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”	Theo thời gian quy định trong Kế hoạch được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng. Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng và	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ; - Nghị định 40/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ.	Một phần	x	x

		công bố 03 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.						
48	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Căn cứ theo Kế hoạch xét tặng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 /6/2009. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16/11/2013. - Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ	Một phần	x	x
49	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Căn cứ theo Kế hoạch xét tặng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 /6/2009. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16/11/2013. - Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ	Một phần	x	x
50	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	Theo thời gian quy định trong Kế hoạch được Bộ Văn hóa,	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ;	Một phần	x	x

		Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng.			- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ;			
51	Xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật	Theo thời gian quy định trong Kế hoạch được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ;	Một phần	x	x
VII Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ								
52	Cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 30/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Trưởng Bộ Công An; - Thông tư số 30/2012/TT-BCA ngày 29/5/2012 của Bộ Công an; - Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Một phần	x	x

B Lĩnh vực điện ảnh, thư viện, gia đình								
I.	Điện ảnh							
53	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15/6/2022; - Thông tư số 17/2022/TT-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản trong lĩnh vực điện ảnh có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/ 02/2023..	Toàn trình	x	x
II.	Thư viện							
54	Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Thư viện ngày 21/11/2019; - Nghị định số 93/2020/ NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x
55	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Thư viện ngày 21/11/2019; - Nghị định số 93/2020/ NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x
56	Thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Thư viện ngày 21/11/2019; - Nghị định số 93/2020/ NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính	Toàn trình	x	x

	học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam				phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
III	Gia đình							
57	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	Toàn trình	x	x
58	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	Toàn trình	x	x
59	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/02/2009; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	Toàn trình	x	x
60	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ;	Toàn trình	x	x

	bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)				- Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.			
61	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	Toàn trình	x	x
62	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	Toàn trình	x	x
63	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/02/2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010.	Toàn trình	x	x
64	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/02/2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010.	Toàn trình	x	x

65	Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	Toàn trình	x	x
66	Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Nghị định số 08/2009/ NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	Toàn trình	x	x
67	Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	Toàn trình	x	x
68	Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Nghị định số 08/2009/ NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ;	Toàn trình	x	x

					- Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.			
C	Lĩnh vực Thể dục thể thao							
69	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x
70	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x

71	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận	03 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x
72	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	03 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x
73	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	08 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chưa quy định	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018.	Toàn trình	x	x

74	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức	08 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chưa quy định	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018.	Toàn trình	x	x
75	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	08 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chưa quy định	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x
76	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x

77	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05/12/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x
78	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x

79	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x
80	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Karate	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	Toàn trình	x	x

					- Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
81	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x
82	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	Toàn trình	x	x

					- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
83	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x
84	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	Toàn trình	x	x

					- Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
85	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x
86	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;	Toàn trình	x	x

					- Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
87	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x
88	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và	Toàn trình	x	x

					Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
89	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x
90	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07/02/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	Toàn trình	x	x

					- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
91	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08/02/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x
92	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09/3/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-	Toàn trình	x	x

					HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
93	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x
94	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x

95	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/4/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x
96	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và	Toàn trình	x	x

					Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
97	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x
98	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	Toàn trình	x	x

					- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
99	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 04/2019/TTBVHTTDL này 17/7/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x
100	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính	Toàn trình	x	

					phủ; - Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			x
101	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Toàn trình	x	x

D	Lĩnh vực Du lịch							
I	Lữ hành							
102	Công nhận điểm du lịch	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chưa quy định	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x
103	Cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28 /10/2021 sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh 23 doanh dịch vụ lữ hành. Có hiệu lực từ ngày 28/10/2021 đến hết ngày 31/12/2023; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính;	Một phần	x	x
104	Cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 94/2021/NĐ-	Một phần	x	x

					CP ngày 28/10/2021 sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh 23 doanh dịch vụ lữ hành. Có hiệu lực từ ngày 28/10/2021 đến hết ngày 31/12/2023; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính;			
105	Cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	2.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh 23 doanh dịch vụ lữ hành. Có hiệu lực từ ngày 28/10/2021 đến hết ngày 31/12/2023; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	Một phần	x	x

					- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính;			
106	Thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	- 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì cơ quan cấp phép có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x

		rút tiền ký quỹ						
107	Thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	- 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x

108	Thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x
109	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương.	Toàn trình	x	x
110	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	10 ngày, kể từ ngày có kết quả kiểm tra	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	200.000 đồng/The	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x
111	Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	10 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x

112	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	- 7 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên - 13 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x
-----	--	--	--	--------------------------	--	----------	---	---

		nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên						
113	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x
114	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x

115	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trong 13 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x
-----	---	---	--	--------------------------	--	----------	---	---

		nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên						
116	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 33/2018/TT-	Một phần	x	x

					BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.			
117	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	650.000 đồng/The	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x
118	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	650.000 đồng/The	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x
119	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	650.000 đồng/The	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x

120	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Đối với Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa: 650.000 đồng/thẻ; - Đối với Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm: 200.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Các Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x
121	Công nhận khu du lịch cấp tỉnh	60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017.	Toàn trình	x	x
II Dịch vụ Du lịch khác								
122	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x

123	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x
124	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x
125	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x
126	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x

127	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- 1.500.000 đồng/ hồ sơ đề nghị công nhận hạng 1 sao, 2 sao; - 2.000.000 đồng/ hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao.	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x
III Du lịch khác (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải)								
128	Cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô và 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ;	Toàn trình	x	x
129	Cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô và 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ;	Toàn trình	x	x

130	Cấp lại biên hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ- CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ;	Toàn trình	x	x
-----	---	--	---	-------------------	---	------------	---	---

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I	Lĩnh vực Văn hóa							
1	Đăng ký tổ chức lễ hội	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.	Toàn trình	x	x
2	Thông báo tổ chức lễ hội	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.	Toàn trình	x	x
3	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	- Tại thành phố và thị xã trực thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 03 phòng, mức thu phí là 4.000.000 đồng/Giấy; + Từ 04 đến 05 phòng, mức thu phí là 6.000.000 đồng/Giấy;	- Quyết định số 245/QĐ-SVHTTDL ngày 12/5/2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ;	Một phần	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
				+ Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 12.000.000 đồng/Giấy. - Tại khu vực khác: + Từ 01 đến 03 phòng, mức thu phí là 2.000.000 đồng/Giấy; + Từ 04 đến 05 phòng, mức thu phí là 3.000.000 đồng/Giấy; + Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 6.000.000 đồng/Giấy.	- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính.			
4	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	- Tại thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu là 2.000.000 đồng/phòng; nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/Giấy phép/lần thẩm định - Tại khu vực khác: Mức thu là 1.000.000 đồng/phòng; nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/Giấy phép/lần thẩm định. - Mức thu phí thẩm định điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh Karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/Giấy.	- Quyết định số 245/QĐ-SVHTTDL ngày 12/5/2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính.	Một phần	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
II	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở							
5	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ.	Toàn trình	x	x
6	Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	08 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ.	Toàn trình	x	x
III	Thư viện							
7	Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ công cộng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Luật Thư viện ngày 21/11/2019; - Nghị định số 93/2020/ NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
8	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Luật Thư viện ngày 21/11/2019; - Nghị định số 93/2020/ NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x
9	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Luật Thư viện ngày 21/11/2019; - Nghị định số 93/2020/ NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	phục vụ cộng đồng							
IV	Gia đình							
10	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/02/2009; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	Toàn trình	x	x
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	Toàn trình	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
12	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/02/2009; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	Toàn trình	x	x
13	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Chưa quy định	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/02/2009; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	Toàn trình	x	x
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	Toàn trình	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
15	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/02/2009; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	Toàn trình	x	x

Phụ lục III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I	Văn hóa cơ sở							
01	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.	Toàn trình	x	x
02	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ.	Một phần	x	x
03	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ.	Một phần	x	x
II	Thư viện							
04	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	Không	- Luật Thư viện ngày 21/11/2019; - Nghị định số 93/2020/ NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Một phần	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
05	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	Không	- Luật Thư viện ngày 21/11/2019; - Nghị định số 93/2020/ NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Một phần	x	x
06	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	Không	- Luật Thư viện ngày 21/11/2019; - Nghị định số 93/2020/ NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Toàn trình	x	x
III	Lĩnh vực Thể dục thể thao							
07	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	Chưa quy định	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ; - Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	Một phần	x	x